

Bản án số: 95/2020/HS- PT
Ngày: 10 - 8-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử Phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Khánh Hồng

Các thẩm phán: 1. Ông Đặng Minh Tuấn
2. Bà Trần Thị Nhài

- *Thư ký phiên toà:* Bà Diệp Thu Trang, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà:* Bà Dương Thị Thu Hiền và bà Đinh Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2020 tại Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 52/2020/TLPT-HS ngày 12/5/2020 do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 80/2020/HS-ST ngày 30/3/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

** Các bị cáo có kháng cáo:*

1. Bị cáo Phạm Văn L (tên gọi khác: Không); sinh ngày 22/12/1957 tại Thái Nguyên; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: tổ 03, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc Trung tâm Dịch vụ việc làm Thái Nguyên, hiện nghỉ hưu; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính Nam; Là Đảng viên bị đình chỉ sinh hoạt Đảng; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Văn T7 - đã chết và bà: Mai Thị G - đã chết; Gia đình bị cáo có 07 anh chị em, bị cáo là con thứ 5; Vợ: Hoàng Thị Tuyết M, sinh năm: 1963, Bị cáo có 02 con chung, con lớn sinh năm 1989 là bị cáo trong cùng vụ án, con thứ hai sinh năm 1991; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam ngày nào, hiện tại ngoại. (Có mặt)

2. Bị cáo Bùi Thị Thúy H, tên gọi khác: không, sinh ngày 06/3/1977, tại Thái Nguyên; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: số nhà 40, tổ 38 (nay là tổ 25), phường PDP, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Nguyên trưởng phòng dạy nghề, hiện là cán bộ trung tâm dịch vụ việc làm Thái Nguyên; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ, Quốc tịch: Việt Nam; Là Đảng viên, hiện bị đình chỉ sinh hoạt Đảng, Con ông: Bùi Xuân X (đã chết) và bà: Nguyễn Thị T1 (đã chết); Gia đình bị cáo có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ ba; Chồng: Trần Hữu L, sinh năm 1968; bị cáo có 02 con chung, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm

2008; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam ngày nào, hiện tại ngoại. (Có mặt)

3. Bị cáo Dương Ngọc T, tên gọi khác: không, sinh ngày 27/10/1986 tại Thái Nguyên; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: tổ 07 (nay là tổ 4), phường CH, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: nguyên cán bộ phòng dạy nghề, hiện là cán bộ trung tâm dịch vụ việc làm Thái Nguyên; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng viên bị đình chỉ sinh hoạt Đảng; Con ông: Dương Hồng V, sinh năm 1962 và bà: Nguyễn Thu G1, sinh năm 1965; gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ: Nguyễn Thu H1, sinh năm 1989; bị cáo có 02 con chung, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh ngày 28/4/2019; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam ngày nào hiện tại ngoại (đã rút kháng cáo, vắng mặt).

Ngoài ra còn có các bị cáo **Mai Thị Thúy H, Phạm Việt H2, Vũ Thu H1, Chu Thị P, Lâm Thị T3, Nguyễn Đức T4** không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị; (Vắng mặt).

*** Bị hại không kháng cáo:** Bảo hiểm xã hội tỉnh Thái Nguyên

Đại diện theo pháp luật: ông Ngô Chí D chức vụ Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Bà Dương Thị Hương L1- chức vụ Phó Giám Đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh Thái Nguyên; (Vắng mặt).

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không kháng cáo:**

1. Sở lao động-Thương binh và xã hội, tỉnh Thái Nguyên

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Quỳnh H2 Giám đốc Sở lao động thương binh-xã hội tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đỗ Thị H3 chức vụ Trưởng phòng Lao động- Tiền lương – Bảo hiểm xã hội Sở lao động -Thương binh và xã hội tỉnh Thái Nguyên;(Vắng mặt).

2. Chị Phạm Thị Thu H1, sinh năm 1984; Trú tại: tổ 23 (nay là tổ 10), phường HVT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; (vắng mặt).

4. Chị Mai Thị Hoàng A, sinh năm 1989; Trú tại: tổ 06, phường PĐP, TP. TN, tỉnh Thái Nguyên; (vắng mặt).

5. Anh Đào Duy B, sinh năm 1986; HKTT: xóm NH 2, xã TN, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên; (vắng mặt).

6. Chị Phạm Thị T5, sinh năm 1984; Nơi cư trú: tổ 7, phường ĐQ, TP. TN, tỉnh Thái Nguyên; (vắng mặt).

7. Anh Lưu Văn T6, sinh năm 1968; Nơi cư trú: tổ 17, phường PĐP, TP. TN, tỉnh Thái Nguyên; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trung tâm Dịch vụ việc làm Thái Nguyên (Trung tâm DVVL Thái Nguyên) là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Lao động thương binh và xã hội (LĐTB&XH) tỉnh Thái Nguyên, thời điểm năm 2014, 2015, cơ cấu tổ chức gồm: 01 Giám đốc trung tâm (Bị cáo Phạm Văn L phụ trách về tài chính, kế toán và phụ trách phòng Bảo hiểm thất nghiệp), 02 Phó Giám đốc, 04 Phòng chuyên môn nghiệp vụ (Phòng tư vấn giới thiệu việc làm; Phòng thông tin thị trường lao động; Phòng dạy nghề (Bị cáo Bùi Thị Thúy H là Trưởng phòng); Phòng bảo hiểm thất nghiệp); 01 phòng Hành chính - Tổng hợp (Bị cáo Mai Thị Thúy H được phân công làm Tổ trưởng tổ kế toán).

Trung tâm DVVL Thái Nguyên có chức năng về đào tạo và dạy nghề, trong đó có đào tạo nghề cho đối tượng hưởng chính sách bảo hiểm thất nghiệp, nguồn kinh phí đào tạo nghề được hỗ trợ từ nguồn kinh phí quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm xã hội tỉnh Thái Nguyên chi trả. Theo quy định, người lao động khi tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp đủ thời gian, đến khi thất nghiệp thì nộp hồ sơ đề nghị được hưởng trợ cấp thất nghiệp tại Trung tâm DVVL Thái Nguyên, sau đó sẽ được Sở LĐTB&XH tỉnh Thái Nguyên ra quyết định công nhận cho hưởng trợ cấp thất nghiệp; sau khi nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp mà không có việc làm nếu có nhu cầu học nghề mới thì đăng ký học nghề tại trung tâm DVVL Thái Nguyên.

Trung tâm DVVL Thái Nguyên tiếp nhận hồ sơ đăng ký học nghề của các đối tượng được hưởng trợ cấp thất nghiệp sau đó hoàn chỉnh thủ tục báo cáo, trình Giám đốc Sở LĐTB&XH tỉnh Thái Nguyên ký Quyết định hỗ trợ học nghề cho từng trường hợp. Căn cứ vào Danh sách và các Quyết định hỗ trợ học nghề của Giám đốc Sở LĐTB&XH cho các đối tượng theo từng đợt (mỗi tháng từ 01 đến 02 đợt), Bảo hiểm xã hội tỉnh Thái Nguyên sẽ cấp kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề (theo mức quy định hiện hành của Nhà nước tính theo đầu người khoảng 600.000đồng/người/tháng) cho Trung tâm DVVL Thái Nguyên để tổ chức mở lớp, đào tạo, dạy nghề cho các học viên theo quy định của Nhà nước. Tiền kinh phí đào tạo được cấp không cấp phát trực tiếp cho học viên mà phục vụ chi phí cho các hoạt động chung liên quan tới lớp học nghề như thuê giáo viên, thanh toán tiền điện, nước, mua hoa, làm market phục vụ khai giảng, bế giảng, mua văn phòng phẩm, nguyên vật liệu thực hành.

Hàng tháng, Trung tâm DVVL Thái Nguyên căn cứ vào số lượng học viên đăng ký học nghề đã có Quyết định hỗ trợ học nghề của Giám đốc Sở LĐTB&XH Thái Nguyên để lên danh sách, làm các thủ mở lớp, sau đó lập danh sách học viên theo từng lớp học và làm văn bản gửi Bảo hiểm xã hội tỉnh Thái Nguyên đề nghị cấp kinh phí hỗ trợ đào tạo về cho Trung tâm, sau khi Bảo hiểm xã hội tỉnh Thái Nguyên phê duyệt sẽ thực hiện việc chuyển khoản vào tài khoản của Trung tâm DVVL Thái Nguyên. Đối với số tiền được cấp Trung tâm DVVL Thái Nguyên tự hạch toán, chi tiêu, sử dụng và tự chịu trách nhiệm về việc quản lý, sử dụng kinh phí được cấp, mà không phải báo cáo, quyết toán lại với Bảo hiểm xã hội tỉnh Thái Nguyên. Lợi dụng từ việc trên Giám đốc Trung tâm đã chỉ đạo cho Kế toán và những người có liên quan tại Trung tâm DVVL Thái Nguyên đã có hành vi tạo lập

chứng từ giả mạo để kê khai quyết toán chi phí đào tạo đối với các lớp nghề cho đối tượng hưởng trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp trong năm 2014 và năm 2015 để rút tiền chi tiêu, sử dụng vào các việc khác trái quy định của Nhà nước.

Trong thời gian năm 2014, 2015, Trung tâm DVVL Thái Nguyên đã mở 31 lớp sơ cấp nghề cho 576 học viên với tổng số tiền kinh phí Trung tâm được Bảo hiểm xã hội tỉnh Thái Nguyên cấp hỗ trợ đào tạo là 819.650.000 đồng. Với vai trò là Giám đốc Trung tâm bị cáo Phạm Văn L đã có chủ trương chỉ đạo Bùi Thị Thúy H-Trưởng phòng dạy nghề rút ngắn thời gian, thời lượng thực tế học của 31 lớp nghề (giảm từ 5 buổi/1 tuần xuống còn 1 đến 2 buổi/1 tuần) so với chương trình, kế hoạch giảng dạy đã xây dựng phù hợp với các tiêu chuẩn, định khung quy định của Nhà nước về đào tạo nghề cũng như kế hoạch giảng dạy và thực hiện tạo lập các khoản chi cho phù hợp dự toán được phê duyệt để làm thủ tục thanh toán quyết toán đối với từng lớp học. Trên thực tế Bùi Thị Thúy H đã chỉ đạo cán bộ trong phòng thực hiện cắt giảm thời lượng học tập của 31 lớp nghề, một số lớp không thuê giáo viên tham gia giảng dạy nhưng vẫn lưu trong hồ sơ hợp đồng thuê giáo viên. Bùi Thị Thúy H đã giao cho các cán bộ thuộc phòng Dạy nghề của Trung tâm DVVL Thái Nguyên là Chu Thị P, Nguyễn Đức T4, Dương Ngọc T, Lâm Thị T3 và Đào Duy B quản lý lớp học tạo lập bảng chấm công học viên, chấm công giáo viên đủ thời lượng học; ký xác nhận vào các hóa đơn mua hàng, phiếu chi theo đúng dự toán mở lớp trong hồ sơ các lớp nghề được giao quản lý, đồng thời H cũng là người ký xác nhận những tài liệu trên làm cơ sở để kê toán thực hiện thanh quyết toán chứng từ, Trung tâm không tổ chức cho học viên đi tham quan thực tế nhưng vẫn tạo lập các hợp đồng vận chuyển sau đó nhờ đơn vị hành nghề vận tải ký xác nhận lấy chứng từ và hóa đơn để kê khai quyết toán. Phạm Văn L đã phân công và chỉ đạo con gái ruột là Phạm Việt H2 làm bộ phận kế toán giúp việc cho Mai Thị Thúy H-Tổ trưởng tổ kế toán, Vũ Thu H1 và Mai Thị Hoàng A-Thủ quỹ, làm thủ tục thanh quyết toán tối đa phần kinh phí được hỗ trợ theo danh mục dự toán đã duyệt, trên cơ sở hồ sơ của cán bộ phòng dạy nghề đã thực hiện đồng thời thực hiện kê khai không số tiền chi cũng như tạo lập không chứng từ, phiếu chi, ủy nhiệm chi chuyển trả tiền thanh toán mua văn phòng phẩm, lấy hóa đơn bán hàng, Hóa đơn giá trị gia tăng..với số tiền cao hơn số tiền thực tế đã chi của 31 lớp sơ cấp nghề dành cho đối tượng hưởng chế độ bảo hiểm thất nghiệp. Cụ thể số tiền chênh lệch của 31 lớp như sau:

STT	Lớp Nghề	Tổng quyết Toán	Thực Chi	Số chênh lệch
1	Chăn nuôi thú y K1/2014	19.200.000	3.457.000	15.743.000
2	Chăn nuôi thú y K2/2014	20.400.000	1.855.000	18.545.000
3	Chăn nuôi thú y K3/2014	20.400.000	3.265.000	17.135.000
4	Chăn nuôi thú y K4/2014	24.000.000	3.445.000	20.555.000
5	Chăn nuôi thú y K5/2014	24.000.000	2.045.000	21.955.000
6	Chăn nuôi thú y K6/2014	20.400.000	3.295.000	17.105.000

7	Chăn nuôi thú y K7/2014	19.200.000	1.742.000	17.458.000
8	Chăn nuôi thú y K8/2014	22.800.000	1.985.000	20.815.000
9	Chăn nuôi thú y K9/2014	22.800.000	3.385.000	19.415.000
10	Chăn nuôi thú y K10/2014	19.200.000	3.142.000	16.058.000
11	Chăn nuôi thú y K11/2014	24.000.000	3.462.000	20.538.000
12	Chăn nuôi thú y K12/2014	24.000.000	2.362.000	21.638.000
13	Chăn nuôi thú y K13/2014	24.000.000	4.087.000	19.913.000
14	Chăn nuôi thú y K14/2014	21.600.000	2.402.000	19.198.000
15	Chăn nuôi thú y K15/2014	25.200.000	4.095.000	21.105.000
16	Chăn nuôi thú y K16/2014	21.600.000	3.978.000	17.622.000
17	Tin học VP & QT mạng K1/2014	27.000.000	5.669.000	21.331.000
18	Tin học VP & QT mạng K2/2014	24.600.000	6.700.000	17.900.000
19	Sửa chữa điện dân dụng K1/2014	37.800.000	315.000	37.485.000
20	Sửa chữa điện dân dụng K2/2014	32.400.000	10.082.000	22.318.000
21	Sửa chữa điện dân dụng K3/2014	34.200.000	10.086.000	24.114.000
22	Vi Tính văn phòng K1/2015	42.000.000	6.940.000	35.060.000
23	Vi Tính văn phòng K2/2015	37.800.000	7.168.000	30.632.000
24	Vi Tính văn phòng K3/2015	37.800.000	7.678.000	30.122.000
25	Chăn nuôi thú y K1/2015	24.000.000	3.971.000	20.029.000
26	Chăn nuôi thú y K2/2015	24.000.000	3.971.000	20.029.000
27	CN gà lợn hữu cơ K1/2015	22.400.000	4.299.000	18.101.000
28	CN gà lợn hữu cơ K2/2015	25.200.000	4.620.000	20.580.000
29	CN gà lợn hữu cơ K3/2015	25.200.000	4.650.000	20.550.000
30	CN gà lợn hữu cơ K4/2015	25.200.000	4.816.000	20.384.000
31	SC Quạt, Động cơ K1/2015	47.250.000	11.643.000	35.607.000
		819.650.000	140.610.000	679.040.000

Tại bản Kết luận giám định số 1001/KL-STC ngày 02/4/2018 Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên đã có kết luận: "Việc lập hồ sơ, chứng từ thanh quyết toán 31 lớp sơ cấp nghề cho đối tượng được hưởng trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp năm 2014, 2015 tại Trung tâm DVVL Thái Nguyên như vậy là sai, trái với các văn bản, quy định của Nhà nước... Số tiền mà quỹ bảo hiểm thất nghiệp đã bị thiệt hại là: 679.040.000 đồng. Việc Giám đốc Trung tâm DVVL Thái Nguyên và những người có liên quan tại trung tâm đã tự ý sử dụng, chi tiêu 679.040.000 đồng từ nguồn kinh phí được cấp hỗ trợ đào tạo nghề cho đối tượng hưởng trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp năm 2014, 2015 để chi hỗ trợ cho cán bộ và các công việc chung khác của Trung tâm như vậy là sai, trái với quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế, tài chính...".

Trong vụ án bị cáo Phạm Văn L nguyên Giám đốc Trung tâm Dịch vụ việc làm Thái Nguyên giữ vai trò chính, bị cáo chỉ đạo cho Bùi Thị Thúy H - Trưởng phòng dạy nghề rút ngắn thời gian, thời lượng học của 31 lớp nghề so với chương trình, kế hoạch giảng dạy tuy nhiên vẫn làm hồ sơ giao cán bộ thuộc phòng dạy nghề của Trung tâm DVVL Thái Nguyên quản lý lớp học là Chu Thị P, Nguyễn Đức T4, Dương Ngọc T và Lâm Thị T3, Đào Duy B thực hiện việc tạo lập chứng từ

không phù hợp với thời lượng học tập được phê duyệt. Phân công và chỉ đạo con gái ruột là Phạm Việt H2 làm bộ phận kế toán giúp việc cho Mai Thị Thúy H-Tổ trưởng tổ kế toán, Vũ Thu H1 và Mai Thị Hoàng A - Thủ quỹ, làm thủ tục thanh quyết toán tối đa phần kinh phí được hỗ trợ theo danh mục dự toán đã duyệt mà không theo quyết toán thực tế khách quan của 31 lớp sơ cấp nghề dành cho đối tượng hưởng chế độ bảo hiểm thất nghiệp. Kế khai khống số tiền chi và tạo lập không chứng từ, phiếu chi, ủy nhiệm chi chuyển trả tiền thanh toán mua văn phòng phẩm, lấy hóa đơn bán hàng, Hóa đơn GTGT. Bị cáo là người duyệt thanh, quyết toán để rút toàn bộ số tiền chênh lệch và trực tiếp quản lý, quyết định chi tiêu, sử dụng vào các hoạt động, công việc của đơn vị là trái với quy định của Nhà nước, gây thiệt hại cho quỹ bảo hiểm thất nghiệp của Bảo hiểm xã hội tỉnh Thái Nguyên số tiền 679.040.000 đồng.

Bị cáo Bùi Thị Thúy H với vai trò trách nhiệm là Trưởng phòng Dạy nghề, biết rõ chủ trương chỉ đạo rút ngắn thời gian, thời lượng học của học viên 31 lớp nghề thực tế so với chương trình, kế hoạch giảng dạy đã xây dựng phù hợp với các tiêu chuẩn, định khung quy định của Nhà nước về đào tạo nghề; biết thực tế các chi phí cho từng lớp học là thấp hơn so với chi phí dự toán đã xây dựng nhưng vẫn thực hiện theo sự chỉ đạo của Phạm Văn L. Bị cáo Bùi Thị Thúy H đã trực tiếp giao cho các cán bộ phòng dạy nghề: Chu Thị P, Lâm Thị T3, Dương Ngọc T, Nguyễn Đức T4, Đào Duy B lập các phiếu chấm công học viên, giáo viên; lập danh sách cấp phát văn phòng phẩm, dụng cụ thực hành; bảng kê chi tiền phục vụ khai giảng, học tập, phát lương giáo viên, ký xác nhận các tài liệu chứng từ của các lớp học được giao quản lý khi thanh quyết toán. Sau khi cán bộ quản lý lớp lập và hoàn thành các bảng kê theo dự toán đã được phê duyệt Bùi Thị Thúy H là người ký xác nhận các tài liệu chứng từ theo phân công nhiệm vụ của Phòng dạy nghề, từ đó góp phần làm cơ sở cho Giám đốc Trung tâm duyệt thanh, quyết toán rút số tiền chênh lệch để chi tiêu và sử dụng cho các hoạt động, công việc chung của đơn vị là trái quy định của pháp luật, hành vi của Bùi Thị Thúy H đã trực tiếp gây thiệt hại số tiền 679.040.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo Phạm Văn L, Bùi Thị Thúy H đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu trên.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 80/2020/HS-ST ngày 30/3/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn L, Bùi Thị Thúy H, Dương Ngọc T phạm tội "Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng".

Căn cứ vào điểm a,d khoản 2 Điều 221; Điều 17, Điều 38; điểm b,v,s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật hình sự đối với Bùi Thị Thúy H); xử phạt: Bị cáo Phạm Văn L 36 (Ba mươi sáu) tháng tù; Xử phạt bị cáo Bùi Thị Thúy H 33 (Ba mươi ba) tháng tù.

Bản án sơ thẩm cũng xử phạt bị cáo Dương Ngọc T 18 (Mười tám) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (Ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bản án cũng xử phạt các bị cáo **Mai Thị Thúy H** 30 (Ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo, **Vũ Thu H1** 30 (Ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo, **Phạm Việt H2**

24 (Hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo, **Chu Thị P** 20 (Hai mươi) tháng tù cho hưởng án treo, **Lâm Thị T3** 20 (Hai mươi) tháng tù cho hưởng án treo, **Nguyễn Đức T4** 18 (Mười tám) tháng tù cho hưởng án treo về tội “Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng”.

Ngoài ra bản án còn quyết định về hình phạt bổ sung, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Án sơ thẩm xử xong, ngày 31/3/2020 bị cáo Phạm Văn L kháng cáo xin được hưởng án treo. Ngày 07/4/2020 bị cáo Phạm Văn L tiếp tục có đơn kháng cáo xin được giảm án và hưởng án treo. Ngày 01/4/2020 bị cáo Bùi Thị Thúy H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo. Ngày 09/4/2020 bị cáo Dương Ngọc T kháng cáo xin được giảm hình phạt từ án treo sang phạt tiền.

Ngày 23/6/2020, bị cáo Dương Ngọc T đã rút kháng cáo.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Phạm Văn L, Bùi Thị Thúy H giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Trong phần phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đề nghị hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn L, giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với bị cáo L. Đối với bị cáo H, đại diện Viện kiểm sát cho rằng: Tại cấp phúc thẩm, bị cáo đã nộp tiền án phí; bị cáo có đơn xin giảm nhẹ hình phạt được công đoàn trung tâm và lãnh đạo sở Lao động và Thương binh xã hội xác nhận đề nghị theo nguyện vọng; vai trò của bị cáo là người giúp sức cho bị cáo L nên đề nghị cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy, đề nghị hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Thị Thúy H, sửa bản án hình sự sơ thẩm đối với bị cáo H, giữ nguyên mức án và chuyển biện pháp cải tạo cho bị cáo hưởng án treo.

Trong lời nói sau cùng các bị cáo Phạm Văn L, Bùi Thị Thúy H, xin được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn L, Bùi Thị Thúy H, Dương Ngọc T được làm trong hạn luật định là hợp lệ.

Ngày 23/6/2020, bị cáo Dương Ngọc T đã rút kháng cáo. Ngày 23/6/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã ban hành thông báo về việc rút kháng cáo của bị cáo số 15/2020/TB – TA. Bản án hình sự sơ thẩm số 80/2020/HSST ngày 30/3/2020 đối với bị cáo Dương Ngọc T có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 23/6/2020.

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử chỉ xem xét đơn kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn L, Bùi Thị Thúy H.

[2] Về nội dung: Xét lời khai của các bị cáo Phạm Văn L, Bùi Thị Thúy H tại phiên tòa là khách quan, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của các bị cáo khác, của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các chứng cứ tài liệu khác được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Trung tâm DVVL Thái Nguyên được tự hạch toán, chi tiêu, sử dụng và tự chịu trách nhiệm về việc quản lý, sử dụng kinh phí được cấp về đào tạo và dạy nghề cho đối tượng hưởng trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp mà không phải báo cáo, quyết toán với đơn vị nào. Với chức năng về đào tạo và dạy nghề, trong đó có dạy nghề cho đối tượng hưởng bảo hiểm thất nghiệp, nguồn kinh phí cho đào tạo nghề được cấp từ nguồn Quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm xã hội tỉnh Thái Nguyên chi trả. Hàng tháng, Trung tâm DVVL Thái Nguyên căn cứ vào số lượng học viên đăng ký học nghề đã có Quyết định hỗ trợ học nghề của Giám đốc Sở LĐTB&XH tỉnh Thái Nguyên để lên danh sách, làm các thủ tục mở lớp, sau đó lập danh sách học viên theo từng lớp học và làm văn bản gửi Bảo hiểm xã hội tỉnh Thái Nguyên đề nghị cấp kinh phí hỗ trợ đào tạo về cho Trung tâm. Do đó trong hai năm 2014, 2015 bị cáo Phạm Văn L là Giám đốc Trung tâm DVVL Thái Nguyên đã có chủ trương chỉ đạo rút ngắn thời gian, thời lượng học của 31 lớp nghề so với chương trình, kế hoạch giảng dạy đã xây dựng phù hợp với các tiêu chuẩn, định khung quy định của Nhà nước về đào tạo nghề. Bị cáo Phạm Văn L cùng các bị cáo là Bùi Thị Thúy H, Mai Thị Thúy H, Phạm Việt H2, Vũ Thu H1, Dương Ngọc T, Nguyễn Đức T4, Chu Thị P, Lâm Thị T3 đã có hành vi tạo lập giả mạo, khai man tài liệu kế toán để thanh quyết toán chi phí đào tạo đối với 31 lớp nghề cho đối tượng hưởng bảo hiểm thất nghiệp trong hai năm 2014-2015 để rút tiền chênh lệch với tổng số tiền 679.040.000 đồng để chi tiêu, sử dụng vào các việc khác trái quy định của Nhà nước.

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực kế toán, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước.

Với hành vi nêu trên, bản án sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo Phạm Văn L, Bùi Thị Thúy H về tội “Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng” theo khoản 2 Điều 221 Bộ luật hình sự năm 2015 là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo Phạm Văn L, Hội đồng xét xử xét thấy: Bản án sơ thẩm đã đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo mức án như đã tuyên là có căn cứ. Tại phiên tòa hôm nay, không phát sinh tình tiết gì mới nên cần giữ nguyên án sơ thẩm đối với bị cáo L là phù hợp.

Xét kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo Bùi Thị Thúy H, Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù tại cấp phúc thẩm bị cáo nộp biên lai thu tiền án phí; bị cáo có đơn xin giảm nhẹ hình phạt được công đoàn Trung tâm dịch vụ việc làm và lãnh đạo sở Lao động và Thương binh xã hội xác

nhận đề nghị xem xét theo nguyện vọng; Bố chồng của bị cáo được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại cấp phúc thẩm quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, trong vụ án này, bị cáo là người giữ vai trò thứ 2 chỉ sau bị cáo L trong việc thực hiện tội phạm. Mức án cấp sơ thẩm tuyên đối với bị cáo là đã có lợi cho bị cáo nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo cũng như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cần giữ nguyên án sơ thẩm đối với bị cáo là phù hợp.

[4] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay đối với bị cáo L là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận lời đề nghị nêu trên. Đối với lời đề nghị của Viện kiểm sát đối với bị cáo H theo như những phân tích đã nêu trên là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Các quyết định khác không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Ghi nhận việc bị cáo Bùi Thị Thúy H đã nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn L, Bùi Thị Thúy H, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 80/2020/HS-ST ngày 30/3/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

1/ Áp dụng điểm a,d khoản 2 Điều 221; Điều 17, Điều 38; điểm b,v,s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự (áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật hình sự đối với Bùi Thị Thúy H):

-Xử phạt bị cáo **Phạm Văn L** 36 (Ba mươi sáu) tháng tù về tội: “Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng”. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành bản án.

-Xử phạt bị cáo **Bùi Thị Thúy H** 33 (Ba mươi ba) tháng tù về tội: “Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng”. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành bản án.

2/ Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Ghi nhận việc bị cáo Bùi Thị Thúy H đã nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0000212 ngày 04/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

3/ Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí: buộc các bị cáo Phạm Văn L, Bùi Thị Thúy H; mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm sung quỹ nhà nước.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND T. Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- TAND TP Thái Nguyên;
- VKSND TP Thái Nguyên;
- Công an TP. Thái Nguyên;
- THADS TP. Thái Nguyên;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Khánh Hồng